



yī lái
一来

conjunction · firstly / for one thing

Example Sentences

Yī lái tiān qì bù hǎo , èr lái shí jiān bù gòu , wǒ men jiù bù qù le .
一来天气不好，二来时间不够，我们就不去了。

For one thing the weather is bad, for another there isn't enough time, so we won't go.

Yī lái tā tài máng , èr lái tā bù gǎn xìng qù .
一来他太忙，二来他不感兴趣。

Firstly he's too busy, and secondly he's not interested.

Trace each character, then write the word on your own.

一	一	一	一																

来	来	来	来	来	来	来	来	来	来										
